

IV. HIỆU LỰC THI HÀNH

Thông tư này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo. Các chế độ hướng dẫn tại Thông tư này được thực hiện từ ngày 01/01/2004. Không thực hiện chế độ hướng dẫn tại Thông tư này đối với các đối tượng có giờ bay và thôi bay trước ngày 01/01/2004.

Bãi bỏ điểm 1 Mục B; Mục C Phần I Thông tư số 596/1999/TT-BQP ngày 12/3/1999 của Bộ Quốc phòng./.

KT. BỘ TRƯỞNG BỘ QUỐC PHÒNG

Thứ trưởng

Trung tướng Nguyễn Văn Rinh

BỘ TÀI CHÍNH

QUYẾT ĐỊNH của Bộ trưởng Bộ Tài chính số 32/2004/QĐ-BTC ngày 06/4/2004 quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng trụ sở làm việc của cơ quan nhà nước tại xã, phường, thị trấn.

BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI CHÍNH

Căn cứ Nghị định số 14/1998/NĐ-CP

ngày 06/3/1998 của Chính phủ về quản lý tài sản nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 86/2002/NĐ-CP ngày 05/11/2002 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ, cơ quan ngang Bộ;

Căn cứ Nghị định số 77/2003/NĐ-CP ngày 01/7/2003 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Căn cứ Nghị định số 114/2003/NĐ-CP ngày 10/10/2003 của Chính phủ về cán bộ, công chức xã, phường, thị trấn;

Căn cứ Quyết định số 147/1999/QĐ-TTg ngày 05/7/1999 của Thủ tướng Chính phủ quy định về tiêu chuẩn, định mức sử dụng trụ sở làm việc tại các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Quản lý công sản,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Quyết định này quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng trụ sở làm việc của cơ quan nhà nước tại xã, phường, thị trấn (sau đây gọi chung là cấp xã) để bố trí nơi làm việc cho cán bộ, công chức làm công tác đảng, chính quyền, mặt trận, đoàn thể và chuyên môn nghiệp vụ tại xã thuộc biên chế do Chính phủ quy định.

Điều 2. Định mức sử dụng trụ sở làm việc của cơ quan nhà nước cấp xã quy định tại Quyết định này được quy định tối đa theo từng khu vực với mức như sau:

1. Khu vực đô thị không quá 450 m²;
2. Khu vực đồng bằng, trung du không quá 500 m²;
3. Khu vực miền núi, hải đảo không quá 400 m²;

Định mức sử dụng trụ sở làm việc nêu trên gồm: Diện tích nhà dùng để làm việc cho các cán bộ, công chức làm công tác đảng, chính quyền, mặt trận, đoàn thể, chuyên môn nghiệp vụ, phục vụ cho công tác tiếp dân, họp, lưu trữ hồ sơ và sử dụng cho các nhu cầu công việc chung khác tại xã.

Căn cứ vào thực tế ở địa phương và tiêu chuẩn, định mức sử dụng trụ sở làm việc quy định tại khoản 1, 2, 3 Điều này, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương quyết định diện tích đất giao cho cấp xã làm trụ sở cho phù hợp.

Điều 3. Việc bố trí sử dụng trụ sở làm việc của cơ quan nhà nước cấp xã trong định mức quy định tại Điều 2 Quyết định này thực hiện như sau:

1. Diện tích sử dụng làm việc của chức danh: Bí thư Đảng ủy hoặc Bí thư Chi bộ xã (nơi chưa thành lập Đảng ủy cấp xã),

Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã sử dụng diện tích làm việc từ 10 - 12 m².

2. Diện tích sử dụng làm việc của chức danh: Phó Bí thư Đảng ủy, Thường trực Đảng ủy cấp xã (nơi không có Phó Bí thư chuyên trách công tác Đảng) hoặc Phó Bí thư Chi bộ xã (nơi chưa thành lập Đảng ủy cấp xã), Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã sử dụng diện tích làm việc từ 8 - 10 m².

Trường hợp một cán bộ, công chức xã kiêm nhiệm nhiều chức danh khác nhau thì được tính theo định mức của chức danh bổ nhiệm chính thức của cán bộ đó đảm nhận.

3. Diện tích làm việc của các chức danh còn lại gồm cả cán bộ công chức nhà nước (hưởng lương theo ngạch công chức) được bố trí làm việc tại xã (nếu có) và diện tích sử dụng để phục vụ cho công tác tiếp dân, họp, lưu trữ hồ sơ và sử dụng phục vụ nhu cầu công việc chung khác tại xã do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã bố trí phù hợp với điều kiện trụ sở làm việc hiện có của xã.

Điều 4. Hàng năm, cơ quan nhà nước có thẩm quyền căn cứ vào khả năng ngân sách của mỗi cấp, tổng diện tích nhà làm việc hiện có, số lượng cán bộ, công chức của từng xã và tiêu chuẩn, định mức sử dụng trụ sở làm việc của cơ

quan nhà nước cấp xã quy định tại Quyết định này để quyết định việc xây dựng mới, xây dựng bổ sung hoặc cấp trụ sở làm việc cho từng xã để từng bước đảm bảo đủ diện tích làm việc cho cán bộ, công chức xã.

Điều 5. Cục trưởng Cục Quản lý công sản có trách nhiệm phối hợp với các cơ quan có liên quan thuộc các Bộ Nội vụ, Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường, Kế hoạch và Đầu tư chỉ đạo, kiểm tra, hướng dẫn các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương xây dựng trụ sở làm việc cơ quan nhà nước cấp xã theo tiêu chuẩn, định mức quy định tại Quyết định này.

Điều 6. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, căn cứ vào thực tế và khả năng ngân sách của địa phương; căn cứ tiêu chuẩn, định mức sử dụng trụ sở làm việc của cấp xã quy định tại Quyết định này và thiết kế mẫu (nếu có) để chỉ đạo các Sở, Ban, ngành có liên quan, quận, huyện, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh và cấp xã:

1. Thực hiện việc bố trí, sắp xếp lại trụ sở làm việc hiện có cho phù hợp với tiêu chuẩn, định mức, tình hình thực tế ở địa phương, đảm bảo sử dụng hiệu quả, tiết kiệm tài sản Nhà nước.

2. Lập kế hoạch xây dựng mới và xây dựng mở rộng, nâng cấp trụ sở làm việc của cơ quan nhà nước cấp xã trình cấp có

thẩm quyền xem xét, quyết định theo quy định hiện hành của pháp luật.

3. Thực hiện quản lý, sử dụng trụ sở làm việc; quản lý đất thuộc khuôn viên trụ sở làm việc của cơ quan nhà nước cấp xã theo đúng các quy định hiện hành của Nhà nước.

Điều 7. Định mức sử dụng trụ sở làm việc tại cấp xã của cơ quan công an và cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành khác hoạt động có tính đặc thù, thì căn cứ vào định mức sử dụng trụ sở làm việc của cơ quan nhà nước cấp xã quy định tại Điều 2 và bố trí sử dụng cụ thể tại Điều 3 Quyết định này, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ quy định cho phù hợp.

Điều 8. Quyết định này có hiệu lực sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo. Những quy định trước đây trái với Quyết định này đều bãi bỏ.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Giám đốc Sở Tài chính các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Thủ trưởng các cơ quan có liên quan khác chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

KT. BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI CHÍNH

Thủ trưởng

Huỳnh Thị Nhân